

Số: 826 /QĐ-LĐTBXH

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm
định kỹ thuật an toàn lao động**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ kết quả thẩm định điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động của Trung tâm Kiểm định Kỹ thuật an toàn Khu vực I;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn lao động,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho Trung tâm Kiểm định Kỹ thuật an toàn Khu vực I, cụ thể:

1. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 19, Tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Phạm vi được thực hiện kiểm định (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

3. Mã số đăng ký chứng nhận: 02/GCN-KĐ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục An toàn lao động, Trung tâm Kiểm định Kỹ thuật an toàn Khu vực I và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Sở LĐTBXH Hà Nội;
- Lưu: VT, Cục ATLĐ (03 bản).

**TUẤN BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG**



Hà Tất Thắng





PHỤ LỤC
PHẠM VI THỰC HIỆN KIỂM ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 826/QĐ-LĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

| STT | * Tên đối tượng kiểm định (Theo Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động ban hành kèm theo Thông tư số 53/2016/TT-BLĐTBXH) | Ghi chú |
|-----|---|---------|
| 1. | Nồi hơi các loại (bao gồm cả bộ quá nhiệt và bộ hâm nước) có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar; nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115°C | |
| 2. | Nồi gia nhiệt dầu | |
| 3. | Hệ thống đường ống dẫn hơi nước, nước nóng cấp I và II có đường kính ngoài từ 51mm trở lên, các đường ống dẫn cấp III và cấp IV có đường kính ngoài từ 76mm trở lên theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6158:1996 và TCVN 6159:1996 | |
| 4. | Các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thuỷ tĩnh) theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366:2010 | |
| 5. | Bồn, bể (xi téc), thùng dùng để chứa, chuyên chở khí hoá lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 bar theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366:2010 | |
| 6. | Các loại chai dùng để chứa, chuyên chở khí nén, khí hoá lỏng, khí thiên nhiên nén, khí hoà tan (trừ chai chứa sản phẩm dầu khí và khí dầu mỏ hóa lỏng) có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar. | |
| 7. | Hệ thống điều chế, hệ thống nạp khí nén, khí hóa lỏng, khí hòa tan | |
| 8. | Hệ thống đường ống dẫn khí y tế | |
| 9. | Hệ thống lạnh các loại theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6104:2015, trừ hệ thống lạnh có môi chất làm việc bằng nước, không khí; hệ thống lạnh có lượng môi chất nạp vào nhỏ hơn 5kg đối với môi chất làm lạnh thuộc nhóm 1, nhỏ hơn 2,5kg đối với môi chất lạnh thuộc nhóm 2, không giới hạn lượng môi chất nạp đối với môi chất lạnh thuộc nhóm 3 | |
| 10. | Cần trục | |

| STT | Tên đối tượng kiểm định <i>(Theo Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động ban hành kèm theo Thông tư số 53/2016/TT-BLĐTBXH)</i> | Ghi chú |
|-----|--|---------|
| 11. | Cầu trục | |
| 12. | Cổng trục, bán cổng trục | |
| 13. | Pa lăng điện; Palăng kéo tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên | |
| 14. | Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải theo phương nghiêng; bàn nâng; sàn nâng; sàn nâng dùng để nâng người làm việc trên cao; tời nâng người làm việc trên cao | |
| 15. | Tời tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên | |
| 16. | Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên | |
| 17. | Xe nâng người: Xe nâng người tự hành, xe nâng người sử dụng cơ cấu truyền động thủy lực, xích truyền động bằng tay nâng người lên cao quá 2m | |
| 18. | Máy vận thăng nâng hàng; máy vận thăng nâng hàng kèm người; máy vận thăng nâng người | |
| 19. | Thang máy các loại | |
| 20. | Thang cuốn; băng tải chở người | |
| 21. | Sàn biểu diễn di động | |
| 22. | Các thiết bị trò chơi: tàu lượn, đu quay, máng trượt mang theo người lên cao từ 2m trở lên, tốc độ di chuyển của người từ 3m/s so với sàn cố định trừ các phương tiện thi đấu thể thao | |
| 23. | Hệ thống cáp treo chở người | |





GIẤY CHỨNG NHẬN

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN KHU VỰC I

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mã số đăng ký chứng nhận: 02/GCN-KĐ

**ĐƯỢC CHỨNG NHẬN CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH
KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG**

PHẠM VI KIỂM ĐỊNH ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN:

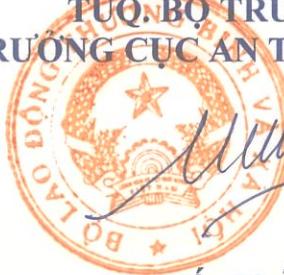
Chi tiết tại Quyết định số 826/QĐ-LĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Ngày cấp: 12 tháng 6 năm 2019.

Ngày hết hiệu lực: 12 tháng 6 năm 2024.

Cấp lần thứ: 03.

TUỐI BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG



Hà Tất Thắng

